

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh Đắk Nông năm 2022**

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh Đắk Nông năm 2022 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với những nội dung sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh với cấu trúc quy định tại Phụ lục I nhằm phát triển thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- Hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội.
- Hoàn thành chỉ tiêu về địa chỉ số trong các chiến lược quốc gia về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

##### **2. Yêu cầu**

- Triển khai quyết liệt “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” và “Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh Đắk Nông năm 2022”.
- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số, bản đồ số từ Trung ương đến cơ sở để triển khai Kế hoạch này hiệu quả.
- Làm tốt công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, nền tảng số, mạng xã hội.

## II. MỤC TIÊU

- 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; Khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III Phụ lục II của Kế hoạch này.

- 100% chủ sở hữu và người quản lý, đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III Phụ lục II của Kế hoạch này.

- Có ít nhất 01 (một) ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh.

## III. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này sử dụng từ nguồn vận động tài trợ, các nguồn hợp pháp khác theo đúng quy định của pháp luật, nguồn kinh phí của doanh nghiệp có liên quan và nguồn ngân sách (nếu có) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện.

## IV. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

### 1. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số

1.1. Rà soát, thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số của tỉnh (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II).

1.2. Thu thập các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và triển khai Nền tảng, cơ sở dữ liệu địa chỉ số đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

### 2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

2.1. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

2.2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

2.3. Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng Nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, ...

### **3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số**

3.1. Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gắn địa chỉ bao gồm:

- Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gắn địa chỉ số (đối với địa chỉ là nhà ở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình cá nhân, hộ gia đình).

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gắn địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

- Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gắn địa chỉ số.

3.2. Hình thức thông báo: qua chính quyền cấp xã, phường, thị trấn; tổ công nghệ cộng đồng; gặp trực tiếp hoặc gửi qua tin nhắn SMS, email, đường thư.

3.3. Gắn biển địa chỉ số:

- Thiết kế, trình phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào đối tượng/công trình được gắn địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

- Khuyến khích các đơn vị triển khai đồng bộ việc gắn biển địa chỉ số, với nguồn kinh phí xã hội hội hóa, hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp với quy định của pháp luật.

### **4. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số**

4.1. Nội dung thông tin, tuyên truyền: Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh; Giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của Nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; Các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng Nền tảng địa chỉ số.

4.2. Phương thức thông tin, tuyên truyền: Thường xuyên thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình và qua mạng Internet nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; Xây dựng, tổng hợp và cung cấp thông tin cho báo chí, truyền thông để tuyên truyền, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; Tổ chức các chiến dịch truyền thông, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; Truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; Thông tin, tuyên truyền theo các phương thức khác.

4.3. Triển khai tập huấn, hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã, doanh nghiệp sử dụng, khai thác nền tảng địa chỉ số quốc gia.

*(Chi tiết phân công thực hiện nhiệm vụ năm 2022*

*tại Phụ lục III kèm theo)*

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thành phố và Bưu điện tỉnh Đắk Nông để triển khai hiệu quả Kế hoạch này.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ ngày 25 hàng tháng tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện các chỉ tiêu năm 2022 theo quy định.

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh Đắk Nông tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng và khai thác hiệu quả Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện tại đơn vị.

- Triển khai một số nhiệm vụ phân công tại Phụ lục III kèm theo.

### **2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tích hợp nền tảng bản đồ số của tỉnh.

- Định kỳ ngày 20 hàng tháng hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện của đơn vị về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh theo quy định.

### **3. Sở Tài chính**

Hàng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định của pháp luật.

### **4. Các Sở, ban, ngành, Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**

- Phổ biến, tuyên truyền đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động về nội dung Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch này; Chủ động tạo chuyên mục, banner tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của đơn vị về Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, của tỉnh; Hướng dẫn sử dụng tính năng, lợi ích hiệu quả khi sử dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của tỉnh.

- Triển khai việc gắn biển địa chỉ số tại đơn vị khi có đề nghị của cơ quan liên quan, góp phần thúc đẩy sử dụng các nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của tỉnh; đồng thời chỉ đạo các đơn vị mình quản lý triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Định kỳ ngày 20 hàng tháng hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện của đơn vị về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh theo quy định.

- Triển khai nhiệm vụ phân công tại Phụ lục III kèm theo.

### **5. UBND các huyện, thành phố**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ.

- Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở về nội dung Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, của tỉnh; Hướng dẫn sử dụng, giới thiệu chức năng, lợi ích hiệu quả khi sử dụng Nền tảng địa chỉ số. Đồng thời góp phần vào nền tảng phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thành lập và phát huy hiệu quả của Tổ công nghệ cộng đồng trong việc cập nhật, thu thập dữ liệu, đồng thời, triển khai thông báo địa chỉ số đến từng hộ dân... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Định kỳ ngày 20 hàng tháng hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện của đơn vị về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh theo quy định.

- Triển khai một số nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục III kèm theo.

### **6. Bưu điện tỉnh Đắk Nông**

- Chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết của doanh nghiệp để triển khai hiệu quả công việc.

- Bố trí nguồn lực đầu tư, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, vận hành, triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản của Nền tảng địa chỉ số (tra cứu, tạo địa chỉ số, đăng ký địa chỉ số, xác thực địa chỉ số) và cung cấp dịch vụ nâng cao của Nền tảng địa chỉ số (chỉ đường, dẫn đường đến địa chỉ số).

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố thu thập các trường thông tin cơ bản của địa chỉ số và bổ sung địa chỉ mới (nếu có) để tạo lập cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia.

- Xây dựng phương án truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người đang sử dụng, khai thác địa chỉ biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội.

- Xây dựng quy trình cấp tài khoản người dùng: khai báo, tạo lập, xác thực địa chỉ.

- Làm đầu mối phối hợp với doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số để thu thập, cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin cho các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng bản đồ số chuyên ngành phù hợp.

- Triển khai các nhiệm vụ phân công tại Phụ lục III kèm theo.

- Định kỳ ngày 20 hàng tháng, báo cáo gửi Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh Đắk Nông năm 2022, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Bưu điện tỉnh Đắk Nông;
- Các Doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh;
- Các Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các tổ chức Hội của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc Văn Phòng;
- Lưu: VT, TH (Q).

30

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Mười**

**PHỤ LỤC I**  
**CẤU TRÚC NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 270 /KH-UBND ngày 26/ 5 /2022  
của UBND tỉnh Đắk Nông)

**1. Các khái niệm**

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số).

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong Phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

**2. Cấu trúc địa chỉ số**

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

**Mã khu vực**

(tổ hợp 0-9, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã.

**Mã mở rộng**

(tổ hợp 0-9, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ. Duy nhất cho mỗi khu vực

## 2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

### a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn, xóm; xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố; tỉnh).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục I Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

### b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).


(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Phối hợp với doanh nghiệp triển khai Nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

## 3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Tòa nhà xxx).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường. 



**PHỤ LỤC II**  
**PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 270 /KH-UBND ngày 26 / 5 /2022  
của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

**I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình**

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

**II. Trụ sở cơ quan, tổ chức**

2. Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội: (i) trụ sở các cơ quan Trung ương đóng ở địa phương; (ii) Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện uỷ, HĐND, UBND các huyện, thành phố và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở Toà án, Viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (viii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (ix) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác, cơ quan chuyên môn của nhà nước,

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

**III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội**

4. Cơ sở giáo dục, đào tạo: (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. Cơ sở y tế, dược phẩm: (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khoẻ: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khoẻ, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khoẻ khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chứng, môi giới, quảng cáo: phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi, ...

7. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, Thư viện, Triển lãm, Nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; Cơ sở văn hóa khác;

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hoá táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát

sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (iv) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (v) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến hành khách, bến hàng hoá, khu chuyển tải; kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

#### ***IV. Các công trình giao thông, xây dựng***

18. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, ...), các cơ sở hạ tầng giao thông khác;

19. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

20. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng không nằm trong các loại nêu trên.

21. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hoả, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

#### ***V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất***

22. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

23. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác).

#### ***VI. Các đối tượng khác***

24. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi...)

25. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

**PHỤ LỤC III**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: 270 /KH-UBND ngày 26 / 5 / 2022*  
*của UBND tỉnh Đắk Nông)*

Stt	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số</b>			
1	Căn cứ Kế hoạch này xây dựng lộ trình, các bước triển khai nhiệm vụ tại đơn vị.	Bưu điện tỉnh	Bưu điện Việt Nam, Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 6/2022
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ triển khai Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của tỉnh</b>			
1	Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số			
a	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số của tỉnh (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Tháng 6-7/2022
b	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên	Tháng 6-7/2022

2	Triển khai thúc đẩy sử dụng các nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số			
a	Triển khai và thúc đẩy các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ số, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ số và các dịch vụ khác	Bưu điện tỉnh	Bưu điện Việt Nam, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thành phố	Tháng 7-12/2022
b	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 12/2022
c	Thúc đẩy, chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng Nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực: bản đồ du lịch, bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa...	Bưu điện tỉnh	UBND các huyện, thành phố	Tháng 12/2022
3	Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số			
a	Thiết kế và trình UBND tỉnh phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh (trường hợp không dùng mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông)	Sở Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh	Tháng 6-12/2022
b	Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ số	UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh	Tháng 6-12/2022
c	Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ	UBND các huyện,	Sở Thông tin và	Tháng 6-12/2022

	sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ	thành phố	Truyền thông, Bưu điện tỉnh	
d	Triển khai gán biển địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh	Tháng 6-12/2022
4	Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số và kết quả triển khai Kế hoạch			
a	Tổ chức tuyên truyền Kế hoạch Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của tỉnh, của Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; Báo Đắk Nông; Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh	Tháng 6-12/2022
b	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở	UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh	Tháng 6-12/2022
c	Triển khai tập huấn, hướng dẫn cho các địa phương, cơ quan, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố và Bưu điện tỉnh	Tháng 6-12/2022